

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 – 5 – 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông L Thanh Nhàn

2. Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn”, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Q định hoãn phiên tòa số 144/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1998; Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh V; tạm trú: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B.

- Bị đơn: Lê Văn Q, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh V, tạm trú: Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B.

(Bà L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, ông Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17/01/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh V vào ngày 24/02/2020. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà và ông Q cùng cư trú tại Ấp L, xã An T, thị xã B, tỉnh B để làm việc.

Ông Q có đăng ký tạm trú tại Ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B. Hiện ông Q vẫn cư trú tại địa chỉ trên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông Q ham chơi, cá độ, không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông Q nhiều lần đánh bà. Khoảng tháng 12/2021 ông Q còn đập phá xe máy của bà, bà đã báo sự việc lên Công an xã An Tây để giải Q. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không ai thực hiện quyền và nghĩa vụ chung vợ chồng, mâu thuẫn không thể giải Q được nữa nên bà đề nghị Tòa án giải Q cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q không có con chung.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải Q.

Về nợ chung, nợ riêng: Bà và ông Q không có nợ chung, nợ riêng, không yêu cầu Tòa án giải Q.

Đối với bị đơn ông Lê Văn Q: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ đối với ông Q nhưng ông Q vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, ông Q cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 14/3/2022, đại diện ấp L, xã A cung cấp : Ông Lê Văn Q, sinh năm 1993, có tạm trú tại ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B, hiện vẫn còn cư trú tại địa phương. Về tình trạng hôn nhân vợ chồng ông Q và bà L thì không nắm rõ do ông Q và bà L không trình báo hay yêu cầu giải Q mâu thuẫn tại địa phương.

Tại Biên bản xác minh ngày 14/3/2022, Công an xã A cung cấp: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1993, có tạm trú tại ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B, hiện vẫn còn cư trú tại địa chỉ này. Về sự việc bà L trình bày thì đúng là có việc bà L trình báo việc ông Lê Văn Q có gây rối, đánh đập và đập phá xe máy của bà L vào khoảng tháng 12/2021. Sau khi mời làm việc thì hai vợ chồng cam kết không gây mất trật tự nữa, đồng ý về hòa giải nên công an không xử lý gì thêm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Về việc giải Q tranh chấp: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; về con chung nguyên đơn tự khai không có nên không xem xét, về tài sản, nợ chung: không đặt ra xem xét; bà L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Lê Văn Q có nơi cư trú tại ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông Q vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà L và ông Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh V vào ngày 24/02/2020, việc đăng ký kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó xác định hôn nhân giữa bà L và ông Q là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, điều đó cho thấy ông Q không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn với bà L. Ông Q không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Tại Biên bản xác minh ngày 14/3/2022, Công an xã A cung cấp là có sự việc bà L trình báo việc ông Lê Văn Q có gây rối, đánh đập và đập phá xe máy của bà L vào khoảng tháng 12/2021. Sau khi mời làm việc thì hai vợ chồng cam kết không gây mất trật tự nữa, đồng ý về hòa giải. Như vậy đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông Q đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận, theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà L tự khai không có, nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Bà L khai không có nợ chung, nợ riêng, không đề nghị xem xét nên không giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L về việc: “Ly hôn” với bị đơn ông Lê Văn Q.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Văn Q.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Lê Văn Q chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Bà L tự khai không có, nên không giải Q.

3. Về tài sản: Bà L không tranh chấp nên không giải Q.

4. Về nghĩa vụ tài sản: Bà L khai không có, không xem xét giải Q.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0004730 ngày 07/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà L đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp Bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh V (số 19/2020) khi có hiệu lực;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Nga